

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1.	1.012069	Phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
2.	1.012065	Đăng ký bảo hộ giống cây trồng.	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
3.	1.012067	Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
4.	1.012066	Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

5.	1.012061	Đăng ký chuyên nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
2.	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
3.	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
4.	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
5.	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân

		diện quyền đối với giống cây trồng	phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	thực vật	dân cấp tỉnh giải quyết thủ tục hành chính
6.	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết thủ tục hành chính
7.	2.002339	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết thủ tục hành chính

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết thủ tục hành chính
2.	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
3.	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của	Trồng trọt và	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

		đôi với giống cây trồng	Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	bảo vệ thực vật	trực thuộc trung ương
4.	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đôi với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
5.	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
6.	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
7.	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng (1.012069)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, chủ bằng bảo hộ có quyền gửi đơn đề nghị được khắc phục các lý do bị đình chỉ cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng và nộp lệ phí để phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nộp đơn, chủ bằng bảo hộ phải khắc phục những lý do bị đình chỉ đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

c) Bước 3: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ban hành Quyết định phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng, trả kết quả cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trả lời bằng văn bản cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;

- Chứng cứ chứng minh đã khắc phục lý do bị đình chỉ.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): 1.200.000 Đồng

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

- Mục A.X Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHỤC HỒI HIỆU LỰC
BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi¹:

1. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Đại diện² (Trường hợp người đăng ký nộp đơn qua đại diện):

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Thông tin về Bằng bảo hộ giống cây trồng bị đình chỉ

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bằng:

4. Lý do đề nghị phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng:

5. Chứng cứ đã khắc phục lý do bị đình chỉ Bằng bảo hộ giống cây trồng

6. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...

Người đăng ký/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

² Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

2. TTHC Đăng ký bảo hộ giống cây trồng (1.012065)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thẩm định hình thức Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

- Trường hợp Đơn đăng ký hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ban hành Thông báo chấp nhận đơn theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này, trả kết quả cho người đăng ký, đăng tải thông báo trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường và Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo.

- Trường hợp Đơn đăng ký chưa hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thông báo và nêu rõ lý do cho người đăng ký hoàn thiện. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoàn thiện Đơn, người đăng ký phải khắc phục các thiếu sót và nộp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thẩm định và ban hành Thông báo chấp nhận đơn theo điểm a khoản 2 Điều này hoặc từ chối chấp nhận đơn và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Đơn đăng ký không hợp lệ hoặc người đăng ký không khắc phục các thiếu sót trong thời hạn yêu cầu được xác định là không có nhu cầu tiếp tục nộp đơn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ban hành Thông báo từ chối chấp nhận Đơn và nêu rõ lý do.

* Trường hợp có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Các tài liệu chứng minh quyền ưu tiên này được cung cấp trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ

d) Bước 4: Sau khi Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được chấp nhận hợp lệ, khảo nghiệm DUS phải được tiến hành theo Tài liệu khảo nghiệm DUS. Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo chấp thuận đơn hợp lệ được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) tổ chức xây dựng Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm DUS trong thời hạn 06 tháng.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ. Từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc dấu giáp lai;

- Tờ khai kỹ thuật.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền đối với trường hợp nộp Đơn đăng ký thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện quyền; nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi được ủy quyền, thời hạn ủy quyền (tài liệu này được dịch ra tiếng Việt; bản dịch được chứng thực hoặc có xác nhận của tổ chức dịch vụ đại diện quyền cho người đăng ký đối với giống cây trồng);

- Ảnh chụp thể hiện 03 tính trạng đặc trưng của giống đăng ký: Tối thiểu 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 9 cm x 15 cm;

- Bản sao có chứng thực Tài liệu chứng minh quyền đăng ký trường hợp người đăng ký được chuyển giao quyền đăng ký hoặc được thừa kế, kế thừa (Hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký, văn bản thừa kế, kế thừa hoặc văn bản tương đương khác), Tài liệu chứng minh quốc tịch hoặc có thường trú hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh tại một nước thành viên UPOV (tài liệu này được dịch ra tiếng Việt; bản dịch được chứng thực hoặc có xác nhận của tổ chức dịch vụ đại diện quyền cho người đăng ký đối với giống cây trồng);

- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu Đơn đăng ký có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 gồm: bản sao các tài liệu về Đơn đăng ký đầu tiên được cơ quan bảo hộ giống cây trồng tại quốc gia nộp đơn đầu tiên xác nhận, mẫu hoặc bằng chứng xác nhận giống cây trồng ở hai đơn là một, bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao, thừa kế, kế thừa quyền ưu tiên (nếu có). Các tài liệu chứng minh quyền ưu tiên này được cung cấp trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ (tài liệu này được

dịch ra tiếng Việt; bản dịch được chứng thực hoặc có xác nhận của tổ chức dịch vụ đại diện quyền cho người đăng ký đối với giống cây trồng).

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thông báo chấp nhận đơn trong trường hợp Đơn đăng ký hợp lệ: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

- Thông báo chấp nhận đơn trong trường hợp Đơn đăng ký chưa hợp lệ: 48 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên này được cung cấp trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo chấp nhận đơn theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ hoặc Thông báo từ chối chấp nhận Đơn và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): 2.000.000 Đồng (Phí thẩm định đơn: 2.000.000 đ/lần)

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 6 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

- Mục A.XI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

1. Tên loài cây trồng:

- Tên tiếng Việt:.....

- Tên khoa học:.....

2. Tên giống cây trồng:.....**3. Người đăng ký (Chủ sở hữu):**

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ:

Địa chỉ (liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền):

.....
Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân)

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Quốc tịch: Điện thoại: Email:

4. Đại diện¹ (trường hợp nộp Đơn qua đại diện):

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Địa chỉ (liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền):

.....
Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân).....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email:

5. Tác giả giống đăng ký bảo hộ:

Tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Quốc tịch:

Điện thoại: Email :.....

(Lập danh sách, ghi đầy đủ thông tin: họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, điện thoại, email của từng tác giả trong trường hợp có nhiều tác giả cùng chọn tạo giống cây trồng)

6. Địa điểm chọn tạo hoặc phát hiện, phát triển giống đăng ký bảo hộ (ghi rõ địa chỉ, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố, quốc gia nơi chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống đăng ký):

.....

.....

¹ Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

7. Trường hợp người đăng ký không trực tiếp chọn tạo hoặc thuê tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống đăng ký bảo hộ, giống cây trồng có được do một trong các hình thức sau:

[] Hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký

[] Thừa kế, kế thừa

[] Hình thức khác (ghi rõ thông tin):

8. Đơn đã nộp liên quan đến quyền đối với giống đăng ký bảo hộ (trường hợp đơn đăng ký đã được nộp ở các quốc gia khác)

Hình thức	Nơi nộp đơn (quốc gia/vùng lãnh thổ)	Ngày nộp	Số đơn	Tình trạng đơn	Tên giống ghi trong đơn
Bảo hộ theo UPOV (PBR's)					
Sáng chế (Patent)					
Danh mục giống quốc gia (NL)					
Khác					

9. Giống đăng ký bảo hộ đã được công nhận lưu hành, công nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận chính thức

Không []

Có []

(Tại Quyết định số..... ngày.... tháng năm với tên giống là

Hoặc hồ sơ tự công bố lưu hành được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ngày..... tháng năm với tên giống là

10. Đề nghị hưởng quyền ưu tiên²

Quốc gia nộp đơn trước đó:

Số đơn:..... Ngày nộp:..... với tên giống là:.....

11. Tính mới về thương mại

a) Ở Việt Nam

- Chưa bán [];

- Đã bán [] (bán lần đầu tiên vào ngày..... tháng năm với tên giống là

b) Ở nước ngoài

- Chưa bán [];

- Đã bán [] (bán lần đầu tiên vào ngày..... tháng năm tại..... với tên giống là

12. Khảo nghiệm kỹ thuật (khảo nghiệm DUS)

a) Trường hợp đã thực hiện

- Tổ chức/cá nhân thực hiện:

- Địa điểm thực hiện:

- Thời gian thực hiện:

- Đề nghị:

b) Trường hợp đang thực hiện

- Tổ chức/cá nhân thực hiện:

- Địa điểm thực hiện:

- Thời gian bắt đầu thực hiện:

² Đối với giống đã đăng ký bảo hộ ở quốc gia thành viên UPOV trước thời điểm đăng ký tại Việt Nam dưới 01 năm.

- Đề nghị:

c) Trường hợp chưa thực hiện

- Đề nghị:

Trường hợp người đăng ký đề xuất tự thực hiện khảo nghiệm DUS, đề nghị cung cấp thông tin dự kiến về (các) giống đối chứng, địa điểm và thời gian thực hiện khảo nghiệm DUS trừ trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS.

13. Vật liệu nhân giống của giống đăng ký bảo hộ

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan:

a) Các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn này là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn.

b) Các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn đầu tiên là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn này (trường hợp đơn đề nghị hưởng quyền ưu tiên).

c) Đồng ý để cơ quan có thẩm quyền về bảo hộ giống cây trồng sử dụng các thông tin cần thiết và vật liệu nhân giống trao đổi với các cơ quan liên quan có thẩm quyền của các nước thành viên UPOV hoặc nước có ký kết với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ giống cây trồng, với điều kiện là quyền của chúng tôi được bảo đảm.

14. Các tài liệu có trong đơn đăng ký bảo hộ

Phần xác nhận của người đăng ký/Đại diện			Kiểm tra danh mục tài liệu (Dành cho cán bộ nhận đơn)	
a	Tờ khai đăng ký gồm: trang x bản	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
b	Tờ khai kỹ thuật gồm: trang x bản	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
c	Ảnh mô tả giống gồm: ảnh	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
d	Tài liệu chứng minh quyền đăng ký	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
đ	Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
e	Văn bản ủy quyền	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
g	Bản sao chứng từ nộp phí thẩm định đơn	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
h	Chứng từ nộp phí xin hưởng quyền ưu tiên	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
i	Tài liệu khác (nếu có) gồm: trang x bản	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

15. Cam kết của người đăng ký/đại diện:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại ngày tháng năm

Người đăng ký/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
(Dành cho các loài chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS)

1. Tên loài cây trồng:

- Tên tiếng Việt:.....

- Tên khoa học:.....

2. Tên giống cây trồng:.....**3. Người đăng ký (Chủ sở hữu):**

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ:

Địa chỉ (*liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền*):

.....
Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (*trường hợp người đăng ký là cá nhân*):

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Quốc tịch: Điện thoại: Email:

4. Đại diện¹ (trường hợp nộp Đơn qua đại diện):

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Địa chỉ (*liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền*):

.....
Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (*trường hợp người đăng ký là cá nhân*):.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email:

5. Tác giả giống đăng ký bảo hộ:

Tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Quốc tịch:

Điện thoại: Email:

(*Lập danh sách, ghi đầy đủ thông tin: họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, điện thoại, email của từng tác giả trường hợp có nhiều tác giả*)

6. Thông tin về quá trình chọn tạo và nhân giống của giống đăng ký

a) Quá trình chọn tạo

* Lai

- Lai có chủ đích (đề nghị nêu rõ tên bố mẹ) []

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai có một phần đã biết (đề nghị nêu rõ phần đã biết) []

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai không biết trước []

* Đột biến (chỉ rõ giống gốc) []

.....
* Phát hiện và phát triển (chỉ rõ địa điểm, thời gian phát hiện và cách phát triển)

.....
¹ Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

* Khác (đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)

b) Phương pháp nhân giống

* Giống nhân bằng hạt

- Tự thụ
- Giống sinh sản vô tính
- Giao phấn
 - + Tự do
 - + Nhân tạo
- Ưu thế lai
 - + Lai đơn
 - + Lai ba
 - + Lai kép
 - + Giống lai có sử dụng dòng bất dục đực
 - + Giống lai có sử dụng dòng hữu dục đực
 - + Khác
- Dòng thuần
 - Dòng bất dục đực
 - Dòng hữu dục đực
- Khác (đề nghị cung cấp chi tiết)

* Nhân giống vô tính

- Củ
- Cành cắt (hom)
- Nhân *In vitro*
- Nhân chồi hoặc ghép
- Tách chồi
- Rễ
- Khác (chỉ rõ phương pháp)

* Khác (đề nghị cung cấp chi tiết)

Trường hợp đối với sơ đồ lai tạo các giống ưu thế lai được cung cấp trong một trang riêng biệt. Trang đó cần phải cung cấp chi tiết tất cả các dòng bố mẹ cần cho quá trình nhân giống lai này, chẳng hạn:

- Lai đơn: Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai ba:

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

Lai đơn được sử dụng như dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

Và phải xác định cụ thể:

+ Dòng bất dục đực nào.....

+ Hệ thống duy trì dòng bất dục đực.....

7. Tính trạng đặc trưng (khai chi tiết theo bảng)

Tên tính trạng	Giống điển hình (nếu có)	Mức độ biểu hiện	Mã số
1.			
2.			
....			

8. Giống tương tự (đề xuất) và sự khác biệt của giống tương tự và giống đăng ký

Tên giống tương tự nhất với giống đăng ký (nếu có)	Những tính trạng khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự	Biểu hiện tính trạng của giống tương tự	Biểu hiện tính trạng của giống đăng ký

9. Thông tin bổ sung có thể giúp thẩm định giống

a) Ngoài thông tin đã cung cấp ở mục 5 và 6, có thông tin nào có thể bổ sung để đánh giá tính khác biệt của giống đăng ký

Có Không
(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

b) Những điều kiện đặc biệt để lưu giữ giống hoặc để tiến hành thẩm định giống đăng ký

Có Không
(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

c) Thông tin khác:.....

10. Giấy phép sản xuất

a) Giống có cần phải cấp giấy phép liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe con người và động vật trước khi đưa ra sản xuất không?

Có Không

b) Đã có giấy phép nào được cấp chưa?

Có Không

(Nếu có, đề nghị gửi kèm giấy phép)

11. Thông tin về vật liệu được thẩm định hoặc nộp để thẩm định

Tính trạng của giống đăng ký có thể bị ảnh hưởng của các yếu tố như: sâu bệnh, hóa chất (chất kích thích sinh trưởng, thuốc BVTV), nuôi cấy mô, chồi sinh trưởng được lấy từ các giai đoạn sinh trưởng khác nhau của cây.....

Không xử lý giống, làm ảnh hưởng tới sự biểu hiện các tính trạng của giống nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc yêu cầu xử lý. Nếu giống đã được xử lý, đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về quá trình đó và chỉ rõ phương pháp theo sự hiểu biết:

a) Vi sinh vật (virus, nấm...) Có Không

b) Hóa chất xử lý (chất kích thích, kim hãm sinh trưởng, thuốc BVTV)

Có Không

c) Nuôi cấy mô

Có

Không

d) Phương pháp khác

Có

Không

Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết đối với trường hợp “có”

Vật liệu giống cây trồng để thẩm định đã được kiểm tra nấm bệnh hoặc virus chưa?

Có (Đề nghị cung cấp chi tiết cơ quan thẩm quyền đã kiểm tra)

Không

12. (Tổ chức, cá nhân)xin cam đoan thông tin cung cấp trong Tờ khai này là chính xác, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại.....ngày.....tháng.....năm.....

Người đăng ký/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB

..., ngày... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
Về việc chấp nhận Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

Kính gửi:

Căn cứ...

Căn cứ Điều Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ kết quả thẩm định hình thức Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng;

Theo đề nghị của

..... thông báo:

1. Chấp nhận Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Ngày nộp:

Người có quyền đăng ký đối với giống cây trồng, địa chỉ:

Tác giả giống cây trồng, địa chỉ:

Đại diện của người đăng ký, địa chỉ:

2. Đơn nói trên được chấp nhận là đơn hợp lệ từ ngày:

3. Ghi nhận tạm thời với tên giống đăng ký bảo hộ là:

4. Được hưởng quyền ưu tiên theo đơn đầu tiên số: Nộp tại: Ngày

5. Hình thức khảo nghiệm DUS:

6. Thông báo này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Cơ quan có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)

3. TTHC Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng (1.012067)

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) tiến hành thẩm định nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

- Trường hợp giống đăng ký đảm bảo tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định, đồng thời Đơn đăng ký bảo hộ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ban hành Quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại *Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP, Mẫu số 31 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP*; trả kết quả cho người đăng ký; công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường và Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Trường hợp giống đăng ký không đảm bảo tính khác biệt hoặc tính đồng nhất hoặc tính ổn định hoặc đơn đăng ký không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thông báo bằng văn bản về dự định từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng cho người đăng ký và nêu rõ lý do, ấn định thời hạn 05 ngày để người đăng ký khắc phục thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối.

Qua thời hạn trên mà người đăng ký không có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng hoặc không khắc phục được các thiếu sót, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thông báo từ chối cấp Bằng

bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp người đăng ký khắc phục được các thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thực hiện cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Trường hợp khảo nghiệm DUS được thực hiện tại tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng; Khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện: bản chính Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

- Trường hợp sử dụng kết quả khảo nghiệm DUS trên cơ sở thỏa thuận quốc tế về trao đổi kết quả khảo nghiệm DUS với quốc gia thành viên UPOV hoặc quốc gia có hợp tác với Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) nhận báo cáo khảo nghiệm DUS trực tiếp từ cơ quan bảo hộ giống cây trồng của quốc gia thành viên UPOV hoặc quốc gia hợp tác với Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- 60 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo khảo nghiệm DUS đối với trường hợp giống đăng ký đảm bảo tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định, đồng thời Đơn đăng ký bảo hộ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

- 65 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo khảo nghiệm DUS với trường hợp giống đăng ký không đảm bảo tính khác biệt hoặc tính đồng nhất hoặc tính ổn định hoặc đơn đăng ký không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 09 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ hoặc thông báo từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Bằng bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu số 31 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 11 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục A.XIII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHẢO NGHIỆM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS

1. Số đơn
2. Tên loài
3. Tên khoa học
4. Tên giống
5. Người đăng ký (Chủ sở hữu) (tên, địa chỉ, điện thoại, email)
6. Đại diện (nếu có) (tên, địa chỉ, điện thoại, email)
7. Tác giả giống cây trồng (tên, địa chỉ) (nếu khác mục 5)
8. Tổ chức/cá nhân thực hiện khảo nghiệm (tên, địa chỉ)
9. Địa điểm khảo nghiệm (địa chỉ cụ thể)
10. Thời gian khảo nghiệm
11. Quy trình khảo nghiệm
12. Kết quả khảo nghiệm
 - a) Đánh giá tính khác biệt

Khác biệt rõ ràng và chắc chắn

(bổ sung bảng biểu thể hiện sự khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự)

Không khác biệt rõ ràng và chắc chắn

(bổ sung bảng biểu thể hiện sự không khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự)
 - b) Đánh giá tính đồng nhất

Đồng nhất

Không đồng nhất
 - c) Đánh giá tính ổn định

Ổn định

Không ổn định

Cán bộ khảo nghiệm (Họ tên, chữ ký)	
Người kiểm tra (Họ tên, chữ ký)	

Nơi nhận:

- Văn phòng BHGCT;
- Tổ chức, cá nhân có giống khảo nghiệm;
- Lưu:

Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ

Hà Nội, ngày tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng

.....

Căn cứ.....

Căn cứ Điều Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Số bằng:

Chủ sở hữu giống cây trồng, địa chỉ:

Tác giả giống cây trồng, địa chỉ:

Điều 2. Nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ, tác giả giống cây trồng

Điều 3. Nghĩa vụ nộp phí duy trì hiệu lực bằng

Điều 4. Quyết định này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPBH.

Cơ quan có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Nghị định số 33 /2026/TT-BNNMT ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 31

BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

SỐ BẰNG:.....

TÊN GIỐNG CÂY TRỒNG:.....

TÊN LOẠI CÂY TRỒNG:.....

CHỦ SỞ HỮU BẰNG BẢO HỘ ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU BẰNG BẢO HỘ

TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG:.....

HIỆU LỰC CỦA BẰNG BẢO HỘ:.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cấp mới QĐ số:
Cấp lại QĐ số:

4. TTHC Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng (1.012066).

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn *07 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ban hành Thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn theo quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP, trả kết quả cho người đăng ký và đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trả lời bằng văn bản cho người đăng ký và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;

- Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký trường hợp thay đổi người đăng ký do chuyển giao quyền đăng ký; hoặc tài liệu chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký, tổ chức dịch vụ đại diện quyền, tác giả giống cây trồng;

- Bản sao có chứng thực Tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa có xác nhận của người đăng ký, Tài liệu chứng minh quyền nhân thân giữa người đăng ký và người nhận thừa kế; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của người đăng ký (nếu có) trường hợp thay đổi người đăng ký do thừa kế, kế thừa.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn theo quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 7 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.XIV Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi¹:.....

1. Người đăng ký:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Đại diện² (Trường hợp người đăng ký nộp Đơn qua đại diện):

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Thông tin đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bảng:

4. Nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

.....

5. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

6. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong đơn trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại.....ngày... tháng.....năm.....

Người đăng ký/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

² Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**

Số: ... /TB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

Kính gửi:

Căn cứ...

Căn cứ Điều Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;

Xét đề nghị sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng của.....;

.....thông báo:

1. Ghi nhận thay đổi thông tin Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Ngày nộp:

2. Thông tin đề nghị sửa đổi:

.....
.....

3. Thông tin được chấp nhận sửa đổi như sau:

.....
.....

4. Thông báo này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Cơ quan có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)

5. TTHC Đăng ký chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng (1.012061)

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Ngay sau khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để đăng ký chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn *10 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thông báo bằng văn bản việc chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng, ghi nhận bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng, cập nhật vào Sổ đăng ký quốc gia, cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo thông tin ghi nhận việc chuyển nhượng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ khai đăng ký chuyển nhượng theo quy định tại Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;

- Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giống cây trồng. Nội dung hợp đồng phải bằng tiếng Việt hoặc phải được dịch ra tiếng Việt, từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc dấu giáp lai;

- Bản chính Bằng bảo hộ giống cây trồng được chuyển nhượng;

- Bản chính văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu giống cây trồng trường hợp giống cây trồng thuộc sở hữu chung.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thông báo bằng văn bản việc chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bằng bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu số 31 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký chuyển nhượng theo quy định tại Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 19 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.XVIII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi¹:

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Đại diện³ (Trường hợp người đăng ký chuyển nhượng nộp đơn qua đại diện):

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Thông tin bên chuyển nhượng

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

Điện thoại:.....E-mail:.....

4. Thông tin bên nhận chuyển nhượng

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

¹ Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

³ Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

.....
Điện thoại:.....E-mail:.....

5. Thông tin giống cây trồng được chuyển nhượng:

Tên loài:

Tên giống:

Số Bằng:

Chủ sở hữu:

6. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân đăng ký/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 31

BẢNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
BẢNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG				
SỐ BẢNG:				
TÊN GIỐNG CÂY TRỒNG:				
TÊN LOẠI CÂY TRỒNG:				
CHỦ SỞ HỮU BẢNG BẢO HỘ ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU BẢNG BẢO HỘ				
TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG:				
.....				
HIỆU LỰC CỦA BẢNG BẢO HỘ:				
<i>Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....</i>				
Cấp mới <input type="checkbox"/> QĐ số:				
Cấp lại <input type="checkbox"/> QĐ số:				

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007928)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn 17 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP*); trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính đăng tải Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:

Trước thời hạn 03 tháng kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón có nhu cầu tiếp tục sản xuất phân bón phải nộp hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.

b) Trường hợp hồ sơ không thay đổi: Tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

c) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

d) Trường hợp thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

đ) Trường hợp thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Thời hạn hiệu lực:

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: Thời hạn Giấy chứng nhận theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp.

1.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.

- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm:

- Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng.

- Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

- Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;

- Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

- Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục A.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục I*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 25**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:Fax:E-mail:
4. Địa điểm sản xuất phân bón:.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận tổ chức Khoa học và Công nghệ: số ngày..... Nơi cấp:.....
6. Văn bản chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (ghi cụ thể tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản):
.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón**Loại hình sản xuất:**

- Sản xuất phân bón
 Đóng gói phân bón

Hình thức cấp:

- Cấp mới
 Cấp lại (lần thứ:.....)

Lý do cấp lại:

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng ... năm...

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail: Website:.....

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:

Chức danh:.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....ngày cấp:.././...nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:E-mail:

3. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:

Chức danh:.....

Điện thoại: Fax:E-mail:

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):..... trong đó:+ Khu vực sản xuất (m²):.....+ Khu vực kho nguyên liệu (m²):+ Khu vực kho thành phẩm (m²):

2. Thống kê dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất	Nguồn gốc
I	Dây chuyền 1		
1			

2			
....			
II	Dây chuyền 2		
1			
2			
....			

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:.....

5. Lao động trực tiếp sản xuất phân bón (dự kiến):.....

6. Loại phân bón, công suất đăng ký sản xuất

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng
1				
2				
....				
Tổng cộng				

7. Kiểm soát chất lượng

Có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025

Có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định (Tên tổ chức thử nghiệm.....)

8. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương (Tên tổ chức chứng nhận.....)

9. Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh (nếu có):

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**Điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận**

1. Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận.
4. Không được sản xuất ngoài địa điểm sản xuất đã được quy định.
5. Báo cáo (*tên cơ quan có thẩm quyền*) khi có sự thay đổi điều kiện hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất phân bón.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Số:/GCN-.....

Ngàytháng.....năm...

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng.... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện sản xuất phân bónSố:...../GCN-.....
.....(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:Email:

Địa chỉ sản xuất:

Mã số doanh nghiệp:

Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

1. Hình thức sản xuất

 Sản xuất phân bón Đóng gói phân bón

2. Công suất sản xuất

Tổng công suất:

Phân bón vô cơ:

Phân bón hữu cơ:

Phân bón sinh học:

3. Loại phân bón sản xuất:

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Ghi chú
1			
2			
...			

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày...tháng....năm...đến ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận này hủy bỏ và thay thế Giấy chứng nhận/Giấy phép sản xuất phân bón số ngày tháng.....năm.....của(2)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN*(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*.....
(1) Cấp lại lần thứ..... (nếu có)

(2) Lãnh đạo cơ quan cấp (trường hợp cấp lại)

2. TTHC Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc (1.012070)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Về tổ chức thẩm định

* Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng:

+ Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn *02 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng đồng thời thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện; trường hợp không ban hành, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh:

+ Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định hồ sơ, thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng.

+ Trong thời hạn *10 ngày làm việc*, kể từ ngày ban hành Thông báo, người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng phải trả lời bằng văn bản.

+ Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng không trả lời hoặc có văn bản đồng ý với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng.

+ Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng có ý kiến phản đối với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính xem xét ý kiến phản đối trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối của tổ chức, cá nhân.

+ Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng phù hợp với quy định, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng và thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện.

+ Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng không có đủ căn cứ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP, sau khi nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban hành thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

Đối với những giống cây trồng được bảo hộ sử dụng với mục đích làm thuốc, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương ban hành quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

a) Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

b) Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

d) Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp hồ sơ thông qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 08 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

- 16 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng hoặc thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục A.XII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 32**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO
QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*.

1. Tổ chức/cá nhân yêu cầu

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Đại diện¹ (trường hợp nộp đơn qua đại diện)

Tên tổ chức/cá nhân:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ hoặc người được chủ sở hữu chuyển giao độc quyền

Tên tổ chức/cá nhân:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

4. Thông tin giống cây trồng

- Tên giống:

- Số đơn/bảng:

5. Phạm vi và thời gian nhận chuyển giao

- Phạm vi chuyển giao:

- Thời gian nhận chuyển giao:

6. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN YÊU CẦU/ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

¹ Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức/cá nhân báo cáo

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Sơ bộ về năng lực

- Nguồn vốn, trong đó số vốn dự kiến đầu tư để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng...
- Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất.
- Bảo lãnh về năng lực tài chính (nếu có).
- Các tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính.

3. Các thông tin khác (nếu có)

4. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân).....cam kết có đủ năng lực tài chính để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng... và chịu trách nhiệm trước pháp luật với cam kết của mình.

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

3. TTHC Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012063).

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn *04 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Trong thời hạn *01 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không ghi nhận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

a) Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

b) Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

3.4. Thời hạn giải quyết: *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;

- Có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 40****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN YÊU CẦU GHI NHẬN/GHI NHẬN LẠI TỔ CHỨC DỊCH VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền).***1. Tên tổ chức:**

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Nội dung yêu cầu: Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền

Lý do:

3. Danh sách thành viên được ghi nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Lập danh sách thành viên với các thông tin như sau:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:.....

- Địa chỉ:

- Số chứng chỉ: Ngày cấp:.....

4. Cam kết*(Tổ chức)*..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày tháng năm

TỔ CHỨC YÊU CẦU*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu/chữ ký số nếu có)*

Mẫu số 41

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO**Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

Kính gửi:(Tên tổ chức ghi nhận/ghi nhận lại dịch vụ đại diện quyền).

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Xét đề nghị của.....(1).

Cơ quan có thẩm quyền:

1. Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng sau:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế:

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Thông báo này được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ...;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

4. TTHC Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012064).

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không ghi nhận lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

a) Đơn yêu cầu ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

b) Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

4.4. Thời hạn giải quyết: *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;

- Có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.XV Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 40**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU GHI NHẬN/GHI NHẬN LẠI TỔ CHỨC DỊCH VỤ
 ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền).*

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Nội dung yêu cầu:

Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền

Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền

Lý do:

3. Danh sách thành viên được ghi nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Lập danh sách thành viên với các thông tin như sau:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:.....

- Địa chỉ:

- Số chứng chỉ: Ngày cấp:.....

4. Cam kết

(Tổ chức)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày tháng năm

TỔ CHỨC YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu/chữ ký số nếu có)

Mẫu số 41

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO**Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

Kính gửi:(Tên tổ chức ghi nhận/ghi nhận lại dịch vụ đại diện quyền).

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Xét đề nghị của.....(1).

Cơ quan có thẩm quyền:

1. Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng sau:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế:

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Thông báo này được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ...;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

5. TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012062)

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn *04 ngày làm việc* kể từ ngày tổ chức kiểm tra, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Trong thời hạn *01 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn.

d) 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

5.4. Thời hạn giải quyết: *05 ngày làm việc* kể từ ngày tổ chức kiểm tra.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Thường trú tại Việt Nam;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh, luật;
- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.
- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.
- Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- *Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục V

(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 35

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*.

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Hộ chiếu/CCCD:
- Ngày cấp: Nơi cấp
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:
7. Địa chỉ Email:
8. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
9. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
10. Giấy chứng nhận đào tạo đại diện quyền đối với giống cây trồng đã được cấp (nếu có):
Số: Ngày cấp Nơi cấp:
11. Thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc thẩm định đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng.....
Cơ quan, đơn vị đã công tác:

Tôi làm đơn này xin đăng ký tham gia kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng do cơ quan tổ chức.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng... năm ...

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số:/

Họ và tên:

Địa chỉ thường trú:

Số Hộ chiếu/CCCD:.....

Do.....cấp ngày.....

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

6. TTHC Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch (2.002338)

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở).

b) Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định và trả kết quả

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chứng nhận vào mục 10 mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK; trường hợp không chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP;

- Văn bản thỏa thuận chuyển giao Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm không đứng tên trong Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm.

b) Số lượng: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.*

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận vào Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm.

6.8. Phí, lệ phí: Không

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK.

- Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Gạo thơm được sản xuất từ giống lúa thơm có chất lượng hạt giống phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia; có thông tin rõ ràng về diện tích, địa điểm trồng (tổ/thôn, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố).

- Lô ruộng lúa thơm được kiểm tra đảm bảo độ thuần giống (% số cây) không nhỏ hơn 95%.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu;

- Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-len.

- Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục IV*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN/CHỨNG NHẬN LẠI
CHỨNG LOẠI GẠO THƠM

Kính gửi:.....

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận, chứng nhận lại chủng loại gạo thơm

- Địa chỉ:

- Số định danh/ mã số thuế/ mã số doanh nghiệp:

- Điện thoại: Email:

Nội dung đề nghị chứng nhận, chứng nhận lại chủng loại gạo thơm.

- Tên gạo thơm:

- Tên giống lúa thơm:

- Địa điểm trồng lúa thơm:

- Vụ sản xuất:

- Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng (Quốc gia nơi đến):

+ Loại bao 5 kg hoặc ít hơn 5 kg:bao (Số bao)

+ Loại bao trên 5 kg đến 20 kg:bao (Số bao)

- Tổng khối lượng tịnh:

- Tổng khối lượng cả bì:

- Mô tả sản phẩm:

- Số Mã hiệu lô ruộng lúa thơm kiểm tra:

- Thông tin khác (nếu có):

- Trường hợp đề nghị chứng nhận lại nêu rõ lý do:

Tổ chức, cá nhân cam kết nội dung trong đơn là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày...tháng...năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

Phụ lục VIa**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CHỦNG LOẠI GẠO THƠM***(Kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022**của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc / Independence - Freedom - Happiness****GIẤY CHỨNG NHẬN CHỦNG LOẠI GẠO THƠM****AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE**

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định

UKVFTA (*Specimen authenticity certificate referred to in the UKVFTA*)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) Exporter (<i>Name and full address</i>)	GIẤY CHỨNG NHẬN (CERTIFICATE OF AUTHENTICITY) để xuất khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len (for export to the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland) Số (No)..... (ORIGINAL) được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) issued by (Name and full address of issuing body)
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) Consignee (<i>Name and full address</i>)	
	3. Quốc gia và địa điểm trồng (country and place of cultivation):
	4. Quốc gia đến (country of destination):
5. Mô tả sản phẩm (<i>Description of goods</i>)	6. Đóng gói 5kg hoặc ít hơn (số bao) Packing 5 kg or less (number of packings)
	7. Đóng gói trên 5kg đến 20kg (số bao) Packing between 5 and 20 kg (number of packings)
	8. Khối lượng tịnh/Net weight (kg) Khối lượng cả bì/ Gross weight (kg)
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU / DECLARATION BY EXPORTER Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/The undersigned declares that the information shown above is correct Địa điểm và ngày/Place and date: Chữ ký/Signature Dấu /Stamp:	
10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác / It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the UKVFTA and that the information shown in this certificate is correct. Địa điểm và Ngày /Place and date Chữ ký/Signature Dấu /Stamp:	
11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA UK/ FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE UK	

Ghi chú / Notes: Tại mục 5. Mô tả sản phẩm cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát....); quy cách đóng gói:..... / *At box 5. Description of goods: please provide the information: name of fragrant rice; types of rice for export: (husked, milled rice....); packing weight...*

PHỤ LỤC II
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA LÔ RUỘNG LÚA THƠM
(Kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA LÔ RUỘNG LÚA THƠM
(Số:/BBKTĐR-)

Hôm nay, ngày... thángnăm, tại

I. TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ: Điện thoại:
3. Tên người thực hiện kiểm tra:
 - Ông (bà): - Chức vụ:
 - Ông (bà): - Chức vụ:
 - Ông (bà): - Chức vụ:

II. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA LÔ RUỘNG LÚA THƠM

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra:
2. Địa chỉ: Điện thoại:.....
3. Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra:
 - Ông (bà): - Chức vụ:
 - Ông (bà): - Chức vụ:
 - Ông (bà): - Chức vụ:

III. NỘI DUNG KIỂM TRA:

1. Thông tin về lô ruộng lúa thơm
 - Tên đơn vị sản xuất:
 - Địa chỉ:
 - Địa điểm sản xuất:
 - Diện tích: Mã hiệu lô ruộng lúa thơm kiểm tra:
 -
 - Tên giống lúa thơm:
 - Vụ sản xuất: Ngày gieo trồng:
 - Chất lượng hạt giống lúa thơm (siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận):
 - Thời kỳ kiểm tra (giai đoạn sinh trưởng, phát triển):
 - Thực trạng sinh trưởng và phát triển của giống lúa thơm:
 - Quy trình sản xuất (nếu có):
2. Kết quả kiểm tra:
 - Tổng số mẫu điểm kiểm tra:

- Tổng số cây kiểm tra:
- Tổng số cây khác dạng:
- Độ thuần của giống (% số cây):
- Năng suất dự kiến:
- Sản lượng dự kiến:
- 3. Kết luận, đề nghị:

Biên bản đã được đọc lại, các bên thống nhất với nội dung nêu trên và ký xác nhận. Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI THỰC HIỆN
KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
**TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM
GIỐNG CÂY TRỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7. TTHC Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch (2.002339)

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở).

b) Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thẩm định và trả kết quả

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chứng nhận vào mục 10 mẫu Giấy chứng nhận lại chủng loại gạo thơm quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK; trường hợp không chứng nhận lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chứng nhận lại chủng loại gạo thơm theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- Mẫu Giấy chứng nhận lại chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông

tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK.

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm đã chứng nhận.

b) Số lượng: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.*

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận vào Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chứng nhận lại chủng loại gạo thơm theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận lại chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu;

- Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-len.

- Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục B.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục IV*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN/CHỨNG NHẬN LẠI
CHỨNG LOẠI GẠO THƠM

Kính gửi:.....

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận, chứng nhận lại chủng loại gạo thơm

- Địa chỉ:

- Số định danh/ mã số thuế/ mã số doanh nghiệp:

- Điện thoại: Email:

Nội dung đề nghị chứng nhận, chứng nhận lại chủng loại gạo thơm.

- Tên gạo thơm:

- Tên giống lúa thơm:

- Địa điểm trồng lúa thơm:

- Vụ sản xuất:

- Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng (Quốc gia nơi đến):

+ Loại bao 5 kg hoặc ít hơn 5 kg:bao (Số bao)

+ Loại bao trên 5 kg đến 20 kg:bao (Số bao)

- Tổng khối lượng tịnh:

- Tổng khối lượng cả bì:

- Mô tả sản phẩm:

- Số Mã hiệu lô ruộng lúa thơm kiểm tra:

- Thông tin khác (nếu có):

- Trường hợp đề nghị chứng nhận lại nêu rõ lý do:

Tổ chức, cá nhân cam kết nội dung trong đơn là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày...tháng...năm....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

10. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN XÁC NHẬN/CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY

xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được liệt kê tại Phụ lục I trong Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 2020/991 và các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác /*It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties offragrant rice listed in Annex I of Commission Implementing Regulation (EU) No 2020/991 and that the information shown in this certificate is correct.*

Địa điểm và ngày/Place and date Chữ ký/Signature Dấu/Stamp:

11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA EU/FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE EU

Ghi chú: Tại mục 5. Mô tả sản phẩm (Description of goods) cần ghi các thông tin sau:
Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát.....); quy cách đóng gói:

PHỤ LỤC VIIa**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LẠI CHỨNG LOẠI GẠO THƠM***(Kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc/Independence - Freedom – Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨNG LOẠI GẠO THƠM (CẤP LẠI)
AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE (RE-ISSUE)**

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định UKVFTA
(Specimen authenticity certificate referred to in the UKVFTA)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Exporter (Name and full address)</i>	GIẤY CHỨNG NHẬN/ <i>CERTIFICATE OF AUTHENTICITY</i> để xuất khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len <i>(for export to the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland)</i> Số (No) (ORIGINAL)
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Consignee (Name and full address)</i>	được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) <i>issued by (Name and full address of issuing body)</i> Giấy chứng nhận này thay thế cho chứng nhận số ngày... do ... cấp / <i>This Certificate replaces for the Certificate of Authenticity No dated on issued by</i>
	3. Quốc gia và địa điểm trồng <i>(country and place of cultivation)</i>
	4. Quốc gia đến <i>(country of destination):</i>
5. Mô tả sản phẩm <i>(Description of goods)</i>	6. Đóng gói 5kg hoặc ít hơn (số bao) <i>Packing 5 kg or less (number of packings)</i>
	7. Đóng gói trên 5kg đến 20kg (số bao) <i>Packing between 5 and 20 kg (number of packings)</i>
	8. Khối lượng tịnh/ <i>Net weight (kg)</i> Khối lượng cả bì/ <i>Gross weight (kg)</i>
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU/ <i>DECLARATION BY EXPORTER</i> Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/ <i>The undersigned declares that the information shown above is correct</i> Địa điểm và ngày/ <i>Place and date:</i> Chữ ký/ <i>Signature</i> Dấu / <i>Stamp:</i>	
10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ <i>CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY</i> xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác / <i>It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the UKVFTA and that the information shown in this certificate is correct.</i> Địa điểm và Ngày / <i>Place and date</i> Chữ ký/ <i>Signature</i> Dấu / <i>Stamp:</i>	
11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA UK/ <i>FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE UK</i>	

Ghi chú/ Notes: Tại mục 5. Mô tả sản phẩm: cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát.....); quy cách đóng gói:/At box 5. Description of goods: please provide the information: name of fragrant rice; types of rice for export: (husked, milled rice....); packing